CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Vận tải Xăng dầu Vitaco

Ngày 30/09/2024	12,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.8%	**2.8%**	**23.3%**

DT thuần
Q3/24
297
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 38.0| 14.8%
YoY: ▲ 48.0| 19.4%

LN thuần
Q3/24
29.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.60| -22.8%
YoY: ▲ 11.1| 60.7%

LN sau thuế
Q3/24
19.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.2| -34.4%
YoY: ▲ 4.90| 33.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
9.9%
YoY: +/-▼ 6.3%

ROE (TTM)
Q3/24
10.6%
YoY: +/-▲ 0.3%

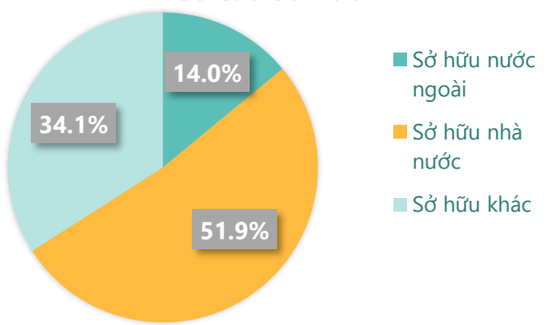
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,083 - 15,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,022
Số lượng CPLH (CP)	79,866,666
KLGD BQ 20 phiên (CP)	217,525
Sở hữu nước ngoài	14.0%
Beta	1.18
EPS	1,481
P/E	8.6

DT thuần
9T 2024
825
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 40.0| 5.0%

LN thuần
9T 2024
102
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 57.6| 130%

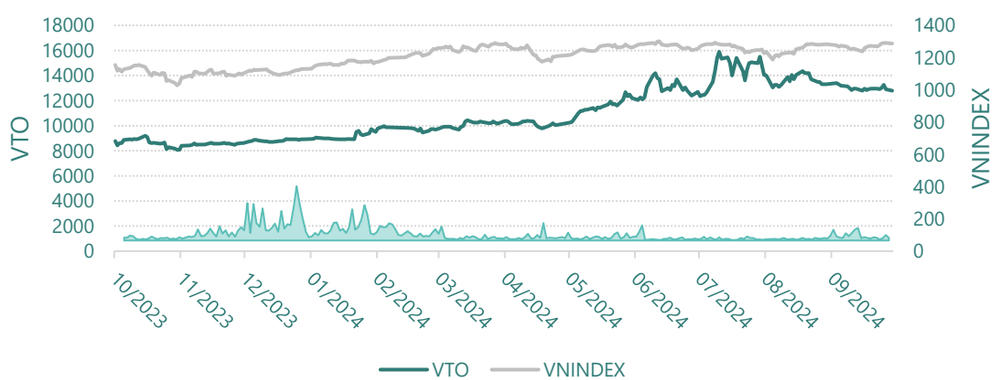
LN sau thuế
9T 2024
76.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 42.1| 123%

Cơ cấu sở hữu

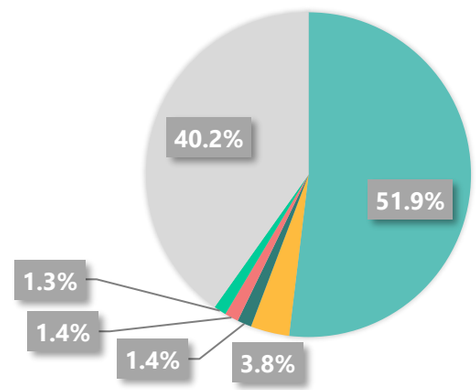


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

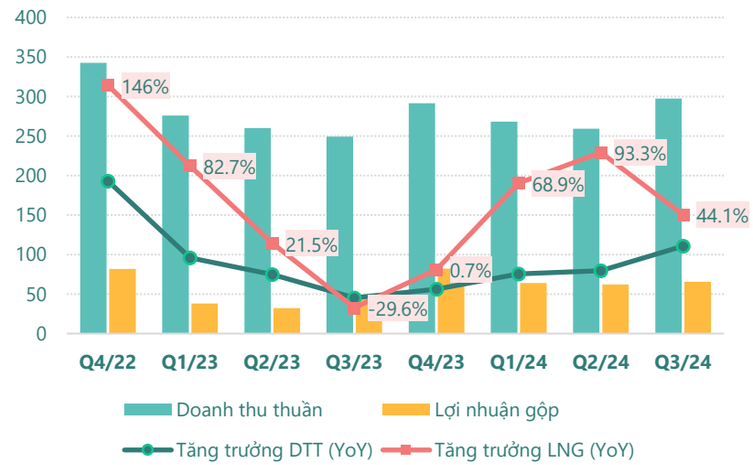


- Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex
- KITMC Worldwide Vietnam RSP Balanced Fund
- KIM Investment Funds - KIM Vietnam Growth Fund
- KIM Vietnam Growth Equity Fund
- TMAM Vietnam Equity Mother Fund
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

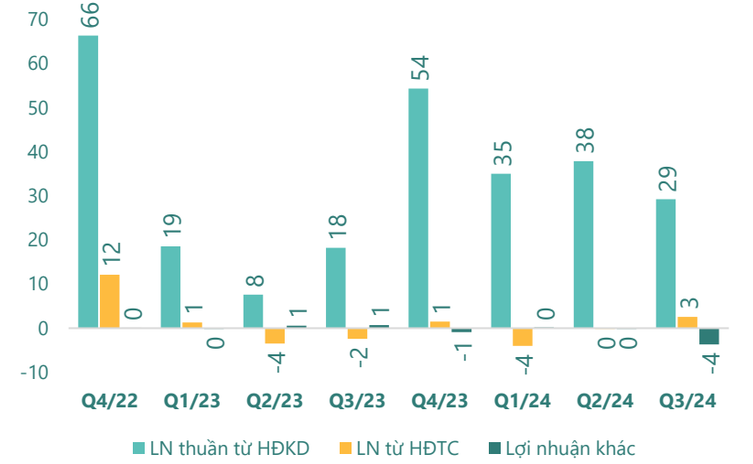
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



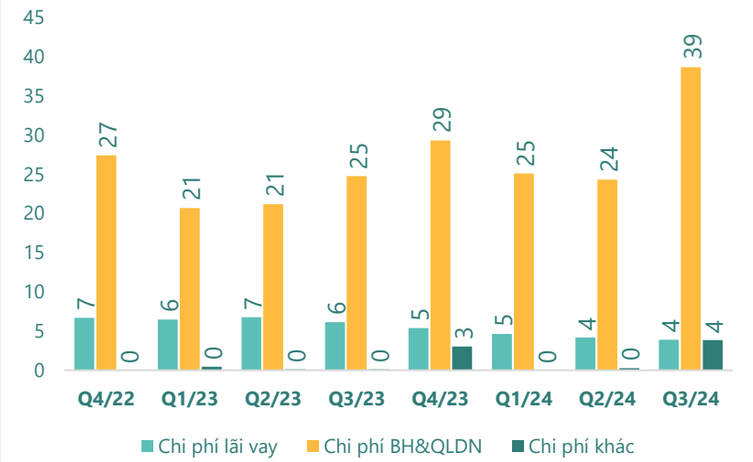
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



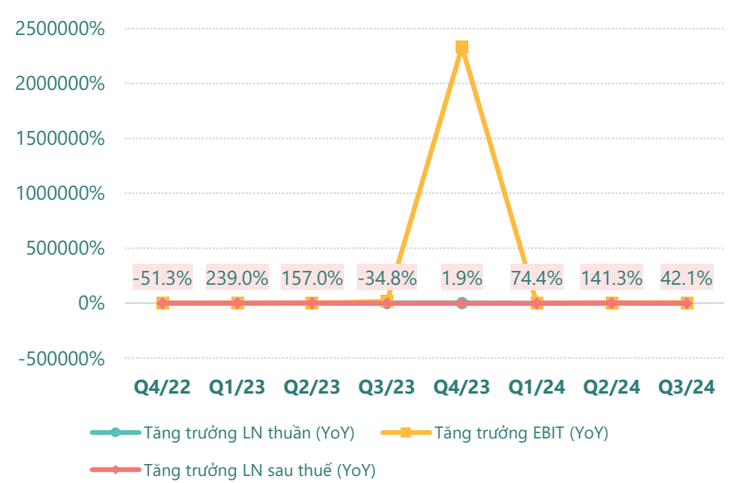
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



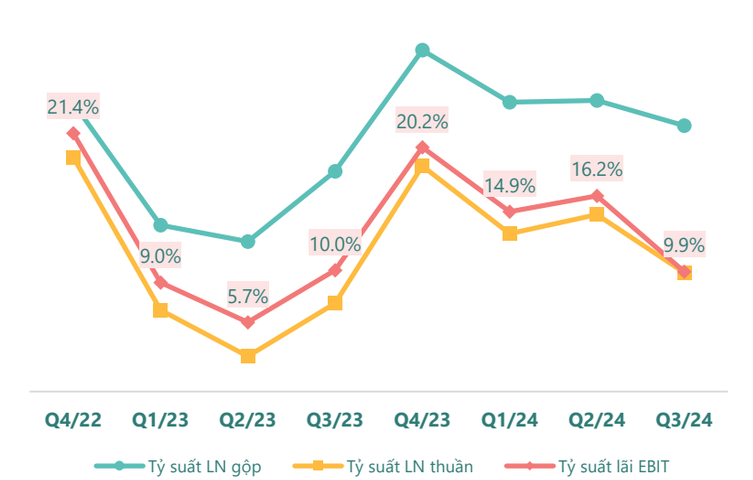
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



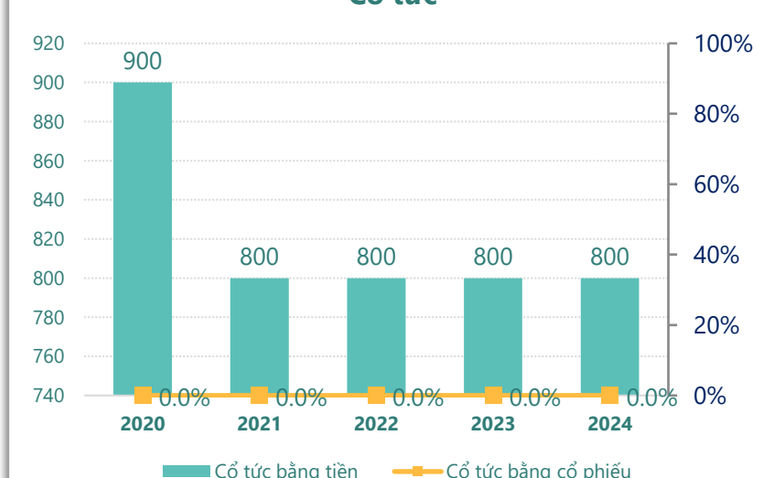
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

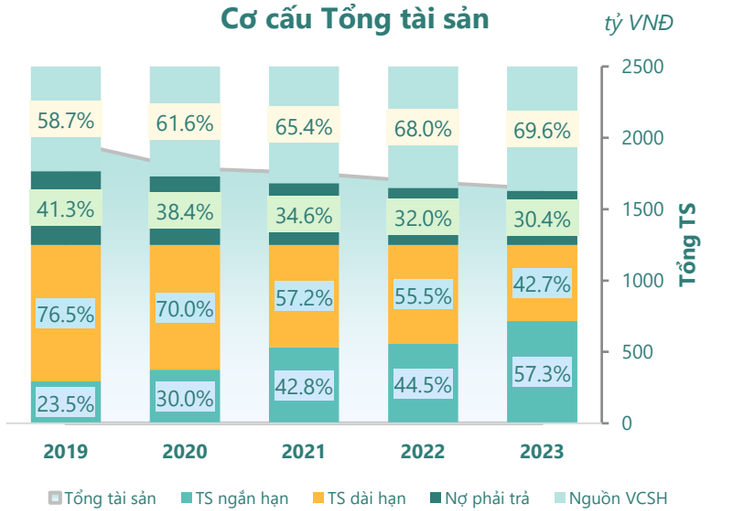
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

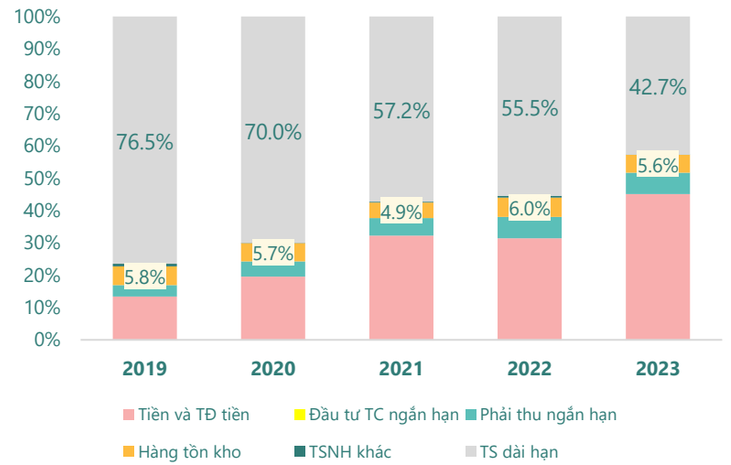
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



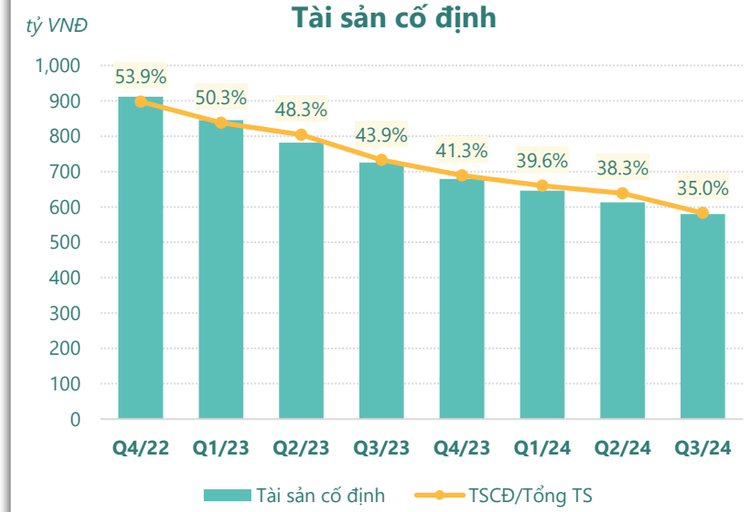
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



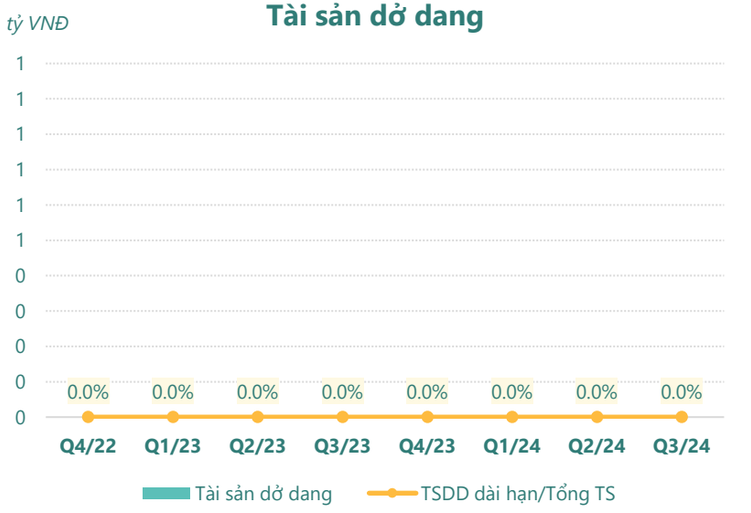
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



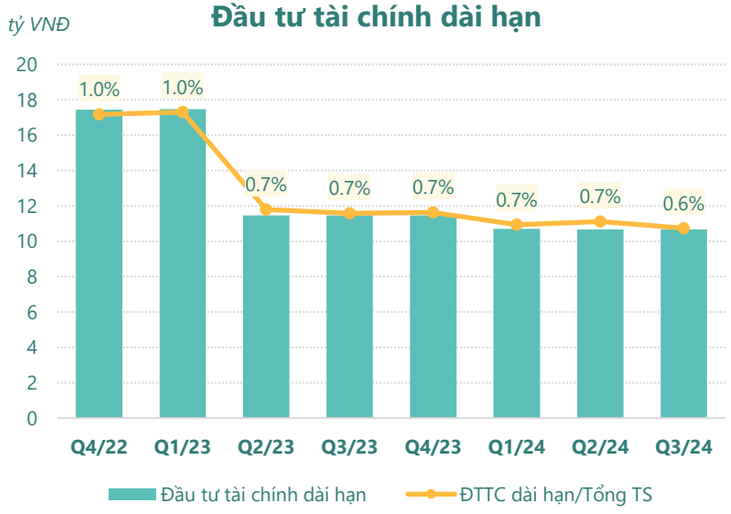
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



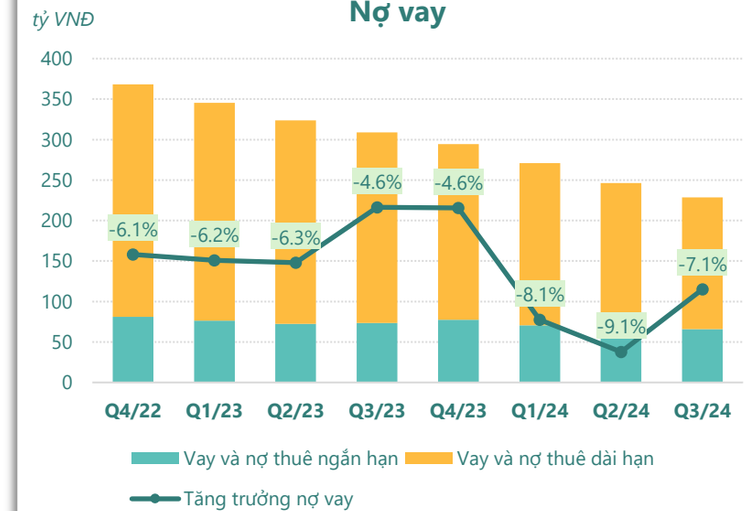
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

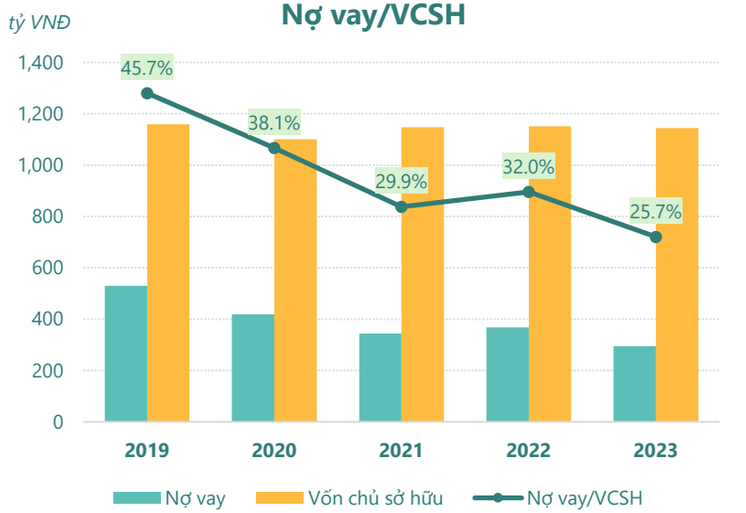
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

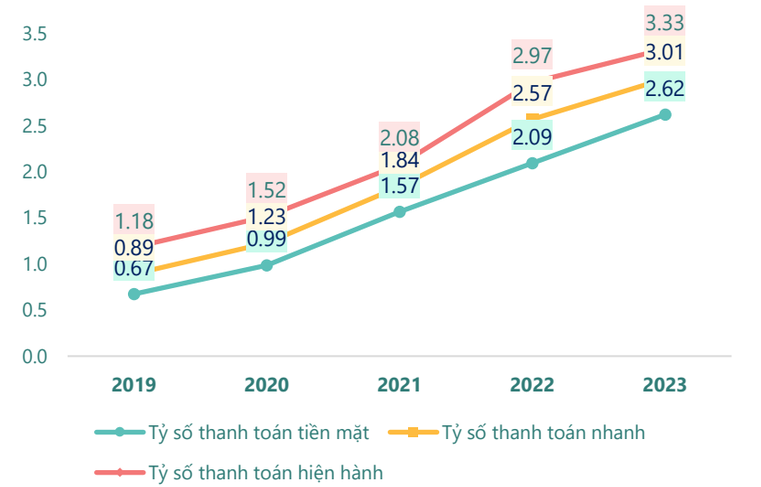
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



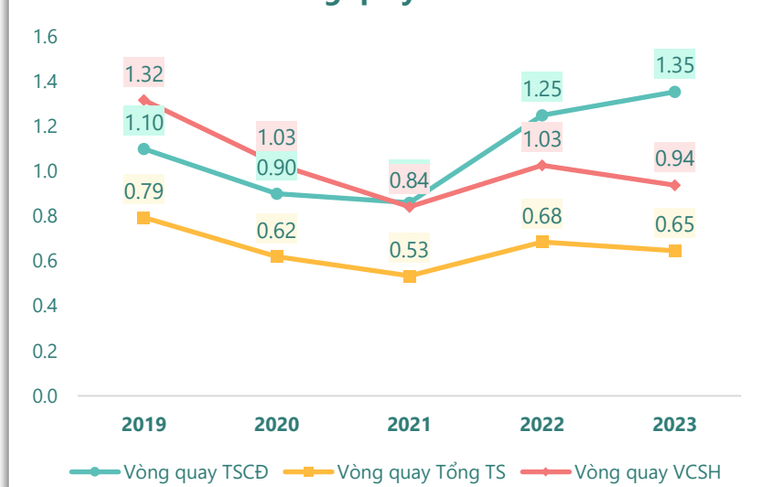
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



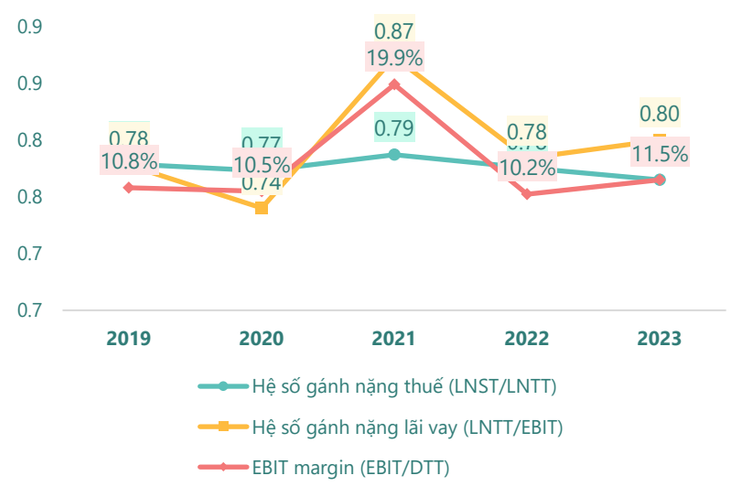
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



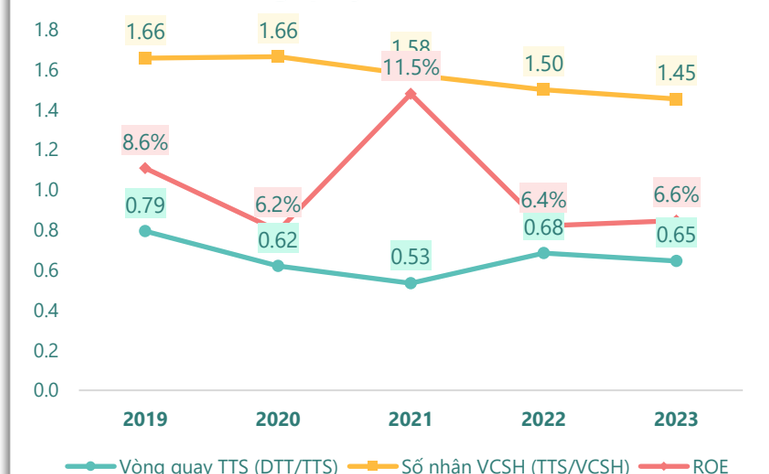
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



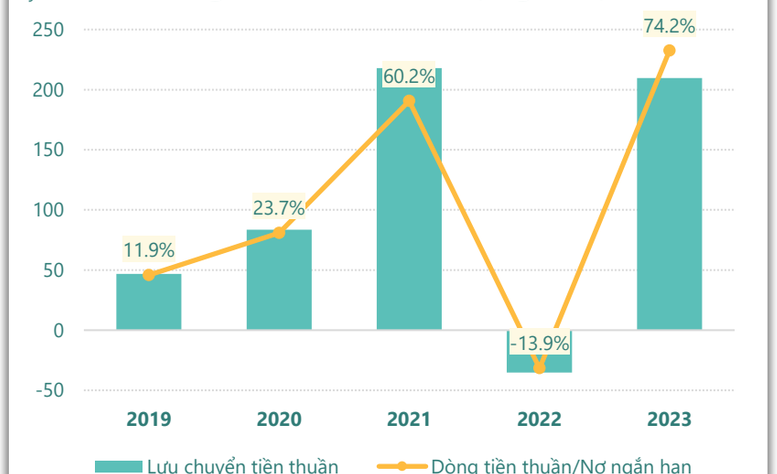
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**297**	**249**	**19.4%**	**825**	**785**	**5.0%**
Giá vốn hàng bán	232	204	13.7%	633	670	-5.5%
Lợi nhuận gộp	65.4	45.4	44.0%	192	116	66.0%
Doanh thu HĐTC	6.66	7.25	-8.2%	16.4	24.6	-33.2%
Chi phí TC	4.09	9.65	-57.6%	18.0	29.1	-38.3%
Chi phí lãi vay	3.91	6.12	-36.2%	12.7	19.4	-34.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.18	-100%	0	0.65	-100%
Chi phí QLDN	**38.7**	**24.6**	**57.2%**	**88.1**	**66.0**	**33.5%**
LN thuần từ HĐKD	29.3	18.2	60.7%	102	44.4	130%
Lợi nhuận khác	**-3.68**	**0.67**	**-649%**	**-3.67**	**1.04**	**-453%**
LN trước thuế	25.6	18.9	35.3%	98.5	45.4	117%
Lợi nhuận sau thuế	**19.4**	**14.5**	**33.9%**	**76.5**	**34.4**	**123%**
LNST của CĐ cty mẹ	**19.4**	**14.5**	**33.9%**	**76.5**	**34.4**	**123%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	83.6	80.8	51.8	61.8	93.9	69.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.85	6.90	5.10	3.53	4.31	5.33
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-85.9	-18.4	-13.8	-25.8	-89.5	-15.3
Tiền đầu kỳ	623	628	698	741	780	789
Lưu chuyển tiền thuần	**5.55**	**69.3**	**43.1**	**39.5**	**8.69**	**59.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.00	-0.03	0.07	0.02	-0.11
Tiền cuối kỳ	628	698	741	780	789	848

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,657**	**1,644**	**0.8%**
Tài sản ngắn hạn	1,055	942	12.0%
Tiền và tương đương tiền	848	741	14.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	115	109	5.8%
Hàng tồn kho	91.2	91.8	-0.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.11	1.04	6.2%
Tài sản dài hạn	**601**	**702**	**-14.3%**
Phải thu dài hạn	0.27	0.23	13.7%
Tài sản cố định	579	679	-14.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	10.7	11.5	-6.9%
Tài sản dài hạn khác	**10.8**	**10.6**	**1.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	521	500	4.2%
Nợ ngắn hạn	**358**	**283**	**26.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	66.0	77.6	-14.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	34.4	40.8	-15.6%
Nợ dài hạn	163	217	-25.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	163	217	-25.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,136**	**1,144**	**-0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**1,136**	**1,144**	**-0.7%**
Vốn điều lệ	799	799	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)